

# TỔNG HỢP CÂU HỎI VỀ NỘI DUNG CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÌNH CHỈ THAI

## I. Câu hỏi mức độ nhớ lại

- Tuổi thai để có thể áp dụng phương pháp hút thai là:**
  - 6 tuần vô kinh.
  - 8 tuần vô kinh.
  - 10 tuần vô kinh.
  - 12 tuần vô kinh.
- Biến chứng có thể có của phương pháp nạo gấp thai là:**
  - Nhiễm trùng.
  - Thủng tử cung.
  - Dính buồng tử cung.
  - @ Các câu trên đều đúng.
- Tác dụng chính của Mifepriston trong lĩnh vực phá thai là:**
  - @Cạnh tranh với Progesterone tại thụ thể của nó tại lớp nội mạc tử cung.
  - Làm gia tăng sự sản xuất Estrogen từ buồng trứng.
  - Biến đổi Progesterone thành một chất không có hoạt tính.
  - Làm tiêu trứng thụ tinh khi mới làm tổ vào nội mạc tử cung.
- Prostaglandine có tác dụng nào sau đây (chọn câu đúng nhất):**
  - Gây cơn co tử cung.
  - Làm mềm cổ tử cung.
  - Làm mở cổ tử cung.
  - @Tùy loại Prostaglandine mà có những tác dụng khác nhau.
- Trong thực tế, phương pháp vô cảm thường được áp dụng nhất trong các thủ thuật nạo phá thai là:**
  - Gây mê toàn thân.
  - Gây tê tủy sống.
  - @Gây tê cạnh cổ tử cung
  - Gây tê ngoài màng cứng.
- Số ngày chậm kinh tối đa có thể áp dụng phương pháp hút thai nhỏ là:**
  - 7 ngày
  - @14 ngày
  - 21 ngày
  - 28 ngày
- So với phương pháp nong nạo gấp thai, hút thai nhỏ có ưu điểm nào sau đây?**
  - Không cần phải nong cổ TC
  - Ít chảy máu hơn
  - Ít đau hơn
  - @Cả A, B và C đều đúng

8. Trong quá trình hút thai bằng bơm Karmann, có thể:
- A. Nạo lại buồng TC bằng thìa đặc
  - B. @Nạo lại buồng TC bằng chính đầu ống hút có 2 lỗ cửa sổ
  - C. Nạo lại buồng TC bằng thìa rộng
  - D. Đã hút thai nhỏ thì không có chỉ định nạo bằng dụng cụ
9. Hút nạo nhiều lần là điều kiện thuận lợi để:
- A. Viêm niêm mạc TC, viêm phần phụ
  - B. Rong kinh, rong huyết kéo dài
  - C. Dính buồng TC
  - D. @Cả A, B và C đều đúng
10. Hút thai nhỏ được thực hiện ở:
- A. Tuyến y tế cơ sở
  - B. Nhân viên y tế được đào tạo
  - C. Có trang thiết bị phù hợp và vô khuẩn
  - D. @Cả A, B và C đều đúng
11. Tuổi thai tối đa được phép nạo và gắp thai là:
- A. < 10 tuần
  - B. < 12 tuần
  - C. < 14 tuần
  - D. @  $\leq 16$  tuần
12. Thuốc thường dùng để phục hồi niêm mạc TC sau nạo phá thai là:
- A. @Estrogen
  - B. Progesteron
  - C. Estrogen + Progesteron
  - D. Corticoid
13. Biến chứng thường gặp của phương pháp phá thai bằng đặt túi nước ngoài màng ối ( Kovac's ) là:
- A. Choáng do đau
  - B. @Nhiễm khuẩn
  - C. Thủng TC
  - D. Cả A, B và C đều đúng
14. Theo chuẩn quốc gia, tuổi thai tối đa ( kể từ ngày đầu kỳ kinh cuối ) được phép phá thai nội khoa là:
- A. < 42 ngày vô kinh
  - B. @< 49 ngày vô kinh
  - C. < 56 ngày vô kinh
  - D. < 63 ngày vô kinh
15. Phá thai to chỉ được thực hiện ở:
- A. Cơ sở y tế có Bác sỹ chuyên khoa Sản
  - B. @Bệnh viện chuyên khoa Phụ Sản
  - C. Cơ sở y tế có khả năng phẫu thuật
  - D. Cơ sở y tế có trang bị máy siêu âm
16. Mục đích của công tác tư vấn cho khách hàng tới phá thai là:

- A. Đưa ra các biện pháp phá thai.
- B. Lựa chọn cho khách hàng một biện pháp phá thai.
- C. Đưa ra các quy trình phá thai.
- D. @Giúp khách hàng tự quyết định việc phá thai.

**17. Ở tuyến xã, phá thai bằng bơm hút Kartman chỉ định ở tuổi thai tối đa tính từ ngày đầu của ngày kinh cuối cùng là:**

- A. @6 tuần
- B. 8 tuần.
- C. 10 tuần.
- D. 12 tuần.

**18. Theo chuẩn quốc gia, liều thuốc Mifepriston trong phá thai là:**

- A. 100 mg.
- B. @ 200 mg.
- C. 300 mg.
- D. 400 mg.

**19. Ưu điểm của phá thai bằng thuốc so với hút thai là:**

- A. @Không sợ thủng tử cung.
- B. Ít chảy máu.
- C. Ít sót rau.
- D. Ít nhiễm trùng.

**20. Dung dịch bơm vào túi nước trong phá thai bằng phương pháp Kovacs là:**

- A. Glucose 5%.
- B. Glucose 10%.
- C. Ringer lactat.
- D. @Natriclorua 0,9%.

**21. Những phương pháp tránh thai sau đây phù hợp với những bệnh nhân sau nạo hút:**

- A. Các phương pháp tránh thai bằng hormone
- B. Vòng tránh thai
- C. Thắt và cắt hai vòi trứng nếu họ không muốn có thêm con nữa
- D. @Tất cả các biện pháp trên

## **II. Câu hỏi mức độ hiểu**

**22. Nhiễm khuẩn ở buồng tử cung thường gặp nhất sau nạo hút thai là:**

- A. @Viêm niêm mạc TC
- B. Viêm phần phụ
- C. Viêm tiểu khung
- D. Viêm phúc mạc toàn thể

## **III. Câu hỏi mức độ phân tích, áp dụng**

**23. Một khách hàng có kết quả siêu âm có CRL là 7mm có nhu cầu bỏ thai, các phương pháp có thể lựa chọn. Chọn câu sai:**

- A. Phá thai nội khoa
- B. Hút thai bằng Kartmann 1 van

- C. @Hút thai bằng ống Kartmann 2 van
- D. Hút thai bằng máy hút chân không

**24. Trong phá thai bằng phương pháp nong và nạo, khi đang thực hiện thủ thuật bệnh nhân chảy máu nhiều, nguyên nhân có thể gặp:**

- A. Chỉ gặp được nhau mà chưa gặp được thai
- B. @Thủng tử cung
- C. Buồng tử cung sạch, tử cung co kềm
- D. Rối loạn đông máu

**25. Biến chứng nào chỉ xảy ra khi thực hiện phá thai nội khoa:**

- A. Nhiễm trùng của tử cung và vùng chậu
- B. Sốt sản phẩm thụ thai
- C. Chảy máu sau phá thai
- D. @Thai phát triển bất thường (trong trường hợp bị sót rau và thai còn phát triển sau phá thai)

**26. Khi thực hiện phá thai nội khoa, chọn câu sai:**

- A. @Tuổi thai cho phép thực hiện phá thai nội khoa là  $< 56$  ngày vô kinh
- B. Chỉ được phép thực hiện tại bệnh viện hay tuyến y tế được sự cho phép của Bộ y tế
- C. Buộc phải thực hiện phá thai ngoại khoa nếu phá thai nội khoa thất bại vì nguy cơ dị tật do misoprotol
- D. Phá thai nội khoa có giá trị tương đương phá thai ngoại khoa, là hai lựa chọn song song

**TỔNG HỢP CÂU HỎI VỀ NỘI DUNG**

# CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÌNH CHỈ THAI

## I. Câu hỏi mức độ nhớ lại

27. Yêu cầu khách hàng ký tên vào "Giấy chấp thuận khi đã được thông tin đầy đủ" đối với trường hợp sử dụng:

- A. Thuốc uống tránh thai.
- B. Dụng cụ tử cung.
- C. Thuốc tiêm tránh thai.
- D. @Triệt sản tự nguyện.

28. Yếu tố nào trong các yếu tố dưới đây cần phải được đưa vào mỗi buổi tư vấn:

- A. Sự kín đáo.
- B. Sự bí mật.
- C. Sự thiên vị đối với một biện pháp nào đó của người cung cấp dịch vụ .
- D. @Sự chấp nhận và thái độ không phán xét của nhân viên y tế.

29. Thông tin chi tiết về một biện pháp cụ thể thường được bàn luận với khách hàng trong khi:

- A. Tư vấn tổng quát về KHHGD.
- B. @Tư vấn đặc trưng cho biện pháp.
- C. Tư vấn theo dõi.
- D. Tư vấn khi thay đổi biện pháp tránh thai.

30. Cách nào là tốt nhất để làm mất tác dụng của lời đồn đại về một biện pháp KHHGD:

- A. Cười khách hàng vì đã tin vào một lời đồn đại ngớ ngẩn như vậy.
- B. Nói với khách hàng một cách lịch sự rằng lời đồn đại đó không có thật và nhẹ nhàng phủ nhận lời đồn đại đó.
- C. @Giải thích một cách lịch sự là tin đồn đó không đúng và giải thích tại sao nó lại không đúng.
- D. Bỏ ngoài tai lời bình luận đó.

31. Câu hỏi nào dưới đây là ví dụ về các câu hỏi mở:

- A. "Chị đã bao giờ nghe nói về dụng cụ tránh thai chưa?"
- B. @ "Chị có cảm nghĩ gì về việc dùng thuốc viên tránh thai không?"
- C. "Chị có nhớ phải làm gì khi quên uống một viên thuốc không?"
- D. "Chị có nhận thấy rằng thất vôi trứng là một biện pháp tránh thai vĩnh viễn hay không?"

32. Câu hỏi nào dưới đây là ví dụ về các câu hỏi đóng:

- A. @ "Chị có thích dùng thuốc viên không?"
- B. "Chị nghe nói gì về dụng cụ tránh thai?"
- C. "Hãy nói cho tôi biết chị cần phải làm gì, nếu chị quên uống một viên thuốc tránh thai?"
- D. "Chị cảm thấy như thế nào về việc sẽ không bao giờ có thêm con nữa?"

33. Điều đặc trưng cho cách "đặt câu hỏi có hiệu quả" là:

- A. Đặt nhiều câu hỏi một lúc
- B. Hỏi một câu hỏi và chờ câu trả lời.
- C. Hỏi các câu hỏi bắt đầu bằng "tại sao".

D. @Đặt câu hỏi tránh được các câu trả lời "Có" hoặc "Không".

**34. Điều nào dưới đây không đặc trưng cho cách "đặt câu hỏi có hiệu quả":**

- A. Dùng âm điệu giọng nói để thể hiện mối quan tâm của bạn.
- B. @Hỏi các câu hỏi bắt đầu bằng "tại sao".
- C. Dùng các từ để khuyến khích khách hàng nói tiếp, như "ồ, thế à?", "rồi sau đó?"
- D. Câu hỏi có tính chất dẫn dắt.

**35. Những đặc điểm nào dưới đây không phải là biểu hiện của "tích cực lắng nghe":**

- A. Thỉnh thoảng giải thích/ tóm tắt những điều khách hàng nói.
- B. Nhìn khách hàng khi họ đang nói.
- C. Suy nghĩ về những điều bạn sẽ nói sau khi nghe khách hàng.
- D. @Viết/ đọc khi khách hàng đang nói.

**36. Những đặc điểm nào dưới đây là biểu hiện của "tích cực lắng nghe":**

- A. Viết/ đọc khi khách hàng đang nói.
- B. Ngắt lời khách hàng.
- C. Sắp xếp giấy tờ.
- D. @Gật đầu/ phát ra những âm thanh khích lệ trong khi khách hàng trình bày.

**37. Đây không phải là kết quả mong muốn của cuộc tư vấn về KHHGD:**

- A. Sự chấp thuận một biện pháp tránh thai thích hợp.
- B. @Giải thích lời đồn đại về một biện pháp tránh thai.
- C. Khách hàng tiếp tục sử dụng biện pháp tránh thai mà mình lựa chọn.
- D. Khách hàng biết cách sử dụng biện pháp tránh thai mà mình lựa chọn.

**38. Yếu tố ảnh hưởng đến kết quả tư vấn về phía người cung cấp dịch vụ KHHGD:**

- A. Tin tưởng và tôn trọng người phục vụ
- B. Cảm thấy được bảo vệ bí mật đời riêng và sự kín đáo.
- C. Cảm thấy được tôn trọng và giữ gìn phẩm giá
- D. @Sự khác nhau giữa khách hàng và người cung cấp dịch vụ về đẳng cấp/ tầng lớp xã hội/ giới tính/ trình độ văn hoá.

**39. Yếu tố ảnh hưởng đến kết quả tư vấn về phía khách hàng là:**

- A. Thái độ và cách ứng xử
- B. Sự thiên lệch của người cung cấp dịch vụ đối với một hay một số biện pháp tránh thai.
- C. Số lượng các biện pháp tránh thai hiện có
- D. @Cảm thấy được bảo vệ bí mật đời riêng và sự kín đáo.

**40. Mục tiêu của tư vấn về KHHGD, chọn câu sai:**

- A. Giúp khách hàng chọn đúng một biện pháp tránh thai và sử dụng đúng biện pháp đã chọn
- B. Giúp tăng tỷ lệ tiếp tục sử dụng và hạn chế bỏ cuộc
- C. Góp phần tăng cường sức khỏe và giảm chi phí
- D. @Giúp cho khách hàng hiểu biết về cơ chế tác dụng của từng biện pháp tránh thai

**41. Trong lĩnh vực tư vấn KHHGD, một phương pháp tránh thai được xem là tốt nhất cho một đối tượng khi:**

- A. Đó là một biện pháp tránh thai hiện đại
- B. Đó là một phương pháp có hiệu quả tránh thai cao

- C. @Đó là một phương pháp mà người tư vấn nghĩ rằng thích hợp nhất cho đối tượng
- D. Đó là một phương pháp an toàn cho đối tượng và đối tượng muốn sử dụng
- 42. Để công tác tư vấn KHHGD đạt được kết quả tốt, tất cả những điều sau đây đều cần thiết, NGOẠI TRỪ:**
- A. @Không nên đề cập đến những biến chứng hoặc phản ứng phụ của một biện pháp tránh thai nào đó
- B. Phải tìm cách nhận biết và hiểu rõ những cảm nghĩ của khách
- C. Phải dùng những câu từ rõ ràng, dễ hiểu
- D. Phải tôn trọng khách
- 43. Điều nào sau đây không nên làm trong công tác tư vấn về KHHGD:**
- A. Hỏi các thông tin liên quan đến sức khỏe và nhu cầu tránh thai
- B. Hỏi tên khách và gọi tên khách vài ba lần trong cuộc nói chuyện
- C. @Nói rõ cho khách hàng biết giới hạn thời gian của một cuộc tư vấn
- D. Yêu cầu khách nhắc lại các thông tin đã cung cấp để chắc rằng khách đã hiểu
- 44. Về vấn đề tư vấn KHHGD, tất cả các câu sau đây đều đúng, NGOẠI TRỪ:**
- A. @Xuất phát từ nhu cầu của người làm tư vấn
- B. Chẳng những là một quá trình cung cấp thông tin cho khách mà còn phải biết lắng nghe những suy nghĩ của khách
- C. Kênh truyền thông thích hợp nhất cho công tác tư vấn và truyền thông trực tiếp
- D. Một trong những điều cần thiết là đòi hỏi người làm công tác tư vấn phải trung thực
- 45. Tránh thai theo phương pháp Ogino - Knauss cho một phụ nữ có chu kỳ kinh đều 28 ngày, khoảng ngày không an toàn cần tránh giao hợp là:**
- A. Từ ngày 14 đến ngày 24 của chu kỳ kinh
- B. Từ ngày 10 đến ngày 14 của chu kỳ kinh
- C. @Từ ngày 10 đến ngày 17 của chu kỳ kinh
- D. Từ ngày 12 đến ngày 16 của chu kỳ kinh
- 46. Biện pháp tránh thai đối với những trường hợp vòng kinh không ổn định:**
- A. Tránh thai bằng phương pháp tránh ngày phóng noãn rất có hiệu quả
- B. Tỷ lệ thất bại thấp
- C. Khuyến khách hàng tránh giao hợp từ ngày thứ 10 đến ngày thứ 20 của vòng kinh
- D. @Câu A, B, C đều sai
- 47. Thực hiện tránh thai bằng phương pháp Ogino - Knauss:**
- A. Từ ngày thứ 10 đến ngày thứ 17 của vòng kinh là an toàn tuyệt đối
- B. Từ ngày thứ 20 đến trước kì kinh tới là ngày an toàn tương đối
- C. Từ ngày sạch kinh đến ngày thứ 10 là thời kỳ an toàn tuyệt đối
- D. @Tránh giao hợp trước khi có dự kiến phóng noãn 3 ngày và sau khi phóng noãn 1 ngày
- 48. Phương pháp tránh thai tính ngày rụng trứng:**
- A. Tỷ lệ khoảng 20%-25% cặp vợ chồng sử dụng
- B. Đây là phương pháp dựa vào hiện tượng phóng noãn

- C. Dựa vào thời gian sống của tinh trùng ở trong đường sinh dục để tính ngày giao hợp
- D. @Tất cả những câu trên đều đúng

**49. Thời điểm đặt vòng tốt nhất là:**

- A. @Ngay sau sạch kinh
- B. Giữa chu kỳ kinh
- C. Một tuần trước ngày có kinh
- D. Hai tuần sau khi bắt đầu có kinh

**50. Cơ chế tránh thai của dụng cụ tử cung loại trơ là:**

- A. Ảnh hưởng lên chất nhầy ở cổ TC
- B. Ức chế rụng trứng
- C. @Choáng chỗ buồng TC làm trứng thụ tinh không làm tổ được
- D. Ngăn cản sự di chuyển của tinh trùng

**51. Một phụ nữ 27 tuổi, không có tiền sử mắc bệnh nội ngoại khoa, chu kỳ kinh nguyệt không đều, thường hay đau bụng nhiều mỗi khi hành kinh. Phương pháp tránh thai thích hợp nhất cho phụ nữ này là:**

- A. Dụng cụ tử cung
- B. @Thuốc viên tránh thai
- C. Tránh ngày phóng noãn ( Ogino - knauss )
- D. Triệt sản

**52. Một phụ nữ đẻ được 4 tháng, đang cho con bú, chưa có kinh lại muốn được đặt vòng tránh thai:**

- A. Đặt vòng cho bà ta ngay
- B. @Cho bà ta siêu âm và thử hCG cho chắc chắn không có thai rồi đặt vòng cho bà ta
- C. Hẹn bà ta khi nào có kinh trở lại sẽ đến đặt vòng
- D. Giải thích cho bà ta rằng cho con bú kéo dài cũng là một phương pháp tránh thai hiệu quả. Khi nào con bà cai sữa hãy đến đặt vòng

**53. Phương pháp tránh thai không nên áp dụng cho một cặp vợ chồng mà người chồng có rối loạn trong sự xuất tinh ( xuất tinh sớm ) là:**

- A. Dụng cụ tử cung
- B. Thuốc viên tránh thai
- C. Bao cao su
- D. @Giao hợp gián đoạn

**54. Phương pháp tránh thai tạm thời nào sau đây có hiệu quả lý thuyết cao nhất:**

- A. Xuất tinh ra ngoài
- B. @Thuốc viên tránh thai loại phối hợp
- C. Thuốc viên tránh thai loại chỉ có Progesterone
- D. Dụng cụ tử cung

**55. Chọn một câu đúng nhất sau đây về dụng cụ tử cung tránh thai:**

- A. Vòng Dana thuộc loại vòng hở
- B. Cơ chế tránh thai chủ yếu là ức chế sự thụ tinh
- C. Ngoài tác dụng tránh thai còn có tác dụng ngăn ngừa một số bệnh hoa liễu
- D. @Không nên đặt cho phụ nữ chưa đẻ lần nào



**56. Viên thuốc thai loại chứa Progesterone đơn thuần liều thấp có tác dụng tránh thai chính bằng cách:**

- A. Ức chế các chất kích thích sinh dục ( gonadotropin )
- B. Kích thích prostaglandine
- C. @Làm cho chất nhầy ở cổ TC đặc lại
- D. Ức chế rụng trứng

**57. Tất cả những câu sau đây về chống chỉ định của thuốc viên tránh thai đều đúng, NGOẠI TRỪ:**

- A. @ Dị dạng tử cung
- B. Cao huyết áp
- C. Nghi ngờ có thai
- D. Viêm gan tắc mật

**58. Một trong những cơ chế hoạt động của thuốc viên tránh thai loại phối hợp là:**

- A. Tạo nên chất tiết ở âm đạo để diệt tinh trùng
- B. Làm giảm ham muốn tình dục bằng cách biến đổi các chất kích thích ở vỏ não
- C. @Biến đổi chất nhầy ở cổ TC
- D. Các câu trên đều sai

**59. Chống chỉ định chủ yếu của việc dùng thuốc viên tránh thai là:**

- A. Rối loạn kinh nguyệt
- B. Đang dùng một phương pháp tránh thai khác
- C. Viêm loét dạ dày tá tràng
- D. @Tiền sử viêm tắc tĩnh mạch

**60. Cơ chế tránh thai của thuốc viên tránh thai loại phối hợp là:**

- A. @Ức chế rụng trứng và ảnh hưởng lên chất nhầy ở cổ CT
- B. Gây phản ứng viêm tại lớp nội mạc tử cung
- C. Tăng nhu động vòi trứng
- D. Diệt trứng thụ tinh

**61. Về thuốc tránh thai loại phối hợp, tất cả những câu sau đây đều đúng, NGOẠI TRỪ:**

- A. Thuốc bị chống chỉ định ở người bị bệnh van tim hậu thấp
- B. Thuốc bị chống chỉ định ở người bị bệnh tiểu đường
- C. @Thuốc bị chống chỉ định ở người có tiền sử viêm tiểu khung
- D. Có thể dùng ở bệnh nhân sau điều trị thai trứng

**62. Ngoài tác dụng tránh thai, thuốc viên loại phối hợp còn có thể được chỉ định trong trường hợp nào sau đây:**

- A. Thống kinh
- B. Kinh nguyệt không đều
- C. Kinh thưa
- D. @Câu A và B đều đúng

**63. Khi dùng thuốc viên tránh thai, triệu chứng nào sau đây không phải là tác dụng phụ do thuốc:**

- A. Buồn nôn
- B. @Đau bụng
- C. Lên cân

D. Đau vú

**64. Chọn một câu sai sau đây về thuốc viên tránh thai loại phối hợp:**

- A. Có chống chỉ định ở người bị bệnh tim
- B. Ngoài tác dụng tránh thai, có thể dùng cho người bị đau bụng kinh vì có thể làm giảm được triệu chứng này
- C. Có chống chỉ định ở người bị u vú
- D. @Có chống chỉ định ở phụ nữ có u buồng trứng nhỏ, nghi là u cơ năng

**65. Triệt sản nam là:**

- A. Biện pháp tránh thai tạm thời
- B. Hay được sử dụng tại các nước tiên tiến
- C. @Hiệu quả tránh thai cao
- D. Cả câu A, B, C đều đúng

**66. Triệt sản nam được áp dụng:**

- A. Cho tất cả những nam giới muốn tránh thai bằng biện pháp này
- B. Cho những trường hợp mắc bệnh rối loạn đông máu
- C. Cho những trường hợp có nhiễm khuẩn tại bộ phận sinh dục
- D. @Các câu trên đều sai

**67. Kỹ thuật triệt sản nam:**

- A. Phức tạp hơn triệt sản nữ
- B. Thực hiện tại những tuyến có cơ sở phẫu thuật hiện đại
- C. @Ít nguy hiểm và chi phí thấp hơn triệt sản nữ
- D. Ngay sau khi được áp dụng có hiệu quả tránh thai ngay

**68. Chỉ định triệt sản nữ, chọn câu đúng:**

- A. Phụ nữ đang ở độ tuổi sinh đẻ có đủ con mong muốn con khoẻ mạnh tự nguyện dùng 1 biện pháp tránh thai vĩnh viễn và không hồi phục
- B. Những phụ nữ có chống chỉ định có thai
- C. @Câu A, B đúng
- D. Câu A, B sai

**69. Triệt sản nữ có thể thực hiện khi, chọn câu sai:**

- A. Kết hợp khi mổ lấy thai
- B. @Bất kỳ lúc nào khách hàng yêu cầu
- C. Kết hợp khi phẫu thuật phụ khoa
- D. 48 giờ sau đẻ

**70. Kỹ thuật triệt sản nữ là:**

- A. Cắt hai buồng trứng
- B. @Cắt và thắt hai vòi trứng
- C. Cắt tử cung
- D. Các câu A và B đều đúng

**71. Lợi ích của KHHGD là:**

- A. Giảm sinh
- B. Giảm tử vong bà mẹ
- C. Giảm tỷ lệ vô sinh
- D. @Cả 4 câu trên đều đúng

**72. Nguy cơ lo ngại nhất của người phụ nữ trên 40 tuổi sinh con sẽ là:**

- A. Tăng nguy cơ đẻ khó
- B. Tăng tỷ lệ mổ lấy thai
- C. Tăng tỷ lệ bất thường cho trẻ em
- D. @Các câu trên đều đúng

**73. Lợi ích của KHHGD là:**

- A. Hướng dẫn có số con thích hợp
- B. Bảo vệ sức khỏe cho người phụ nữ
- C. Có điều kiện nuôi dạy con cái tốt hơn.
- D. @ Các câu trên đều đúng

**74. Quyền của người sử dụng KHHGD khi áp dụng BPTT là:**

- A. Quyền được lựa chọn
- B. Quyền được giữ bí mật
- C. Quyền được tôn trọng
- D. @Cả 4 câu trên đều đúng

**75. Lợi ích của bao cao su là:**

- A. Được cung cấp sẵn
- B. Tỷ lệ tránh thai cao
- C. Tránh được lây nhiễm bệnh
- D. @Tránh thai và tránh được lây nhiễm bệnh

**76. BPTT tính ngày phóng noãn không được chỉ định cho những người:**

- A. Vòng kinh không đều.
- B. Hay quên.
- C. Không biết tính ngày phóng noãn.
- D. @Các câu trên đều đúng.

**77. Các BPTT khẩn cấp được chỉ định cho những người:**

- A. Sau giao hợp không được bảo vệ.
- B. Bao cao su bị thủng.
- C. Bị cưỡng bức.
- D. @Tất cả các câu trên đều đúng.

**78. Các BPTT khẩn cấp phù hợp cho VTN là:**

- A. Viên thuốc tránh thai kết hợp.
- B. Đặt dụng cụ tử cung
- C. Bao cao su.
- D. @Câu A và câu C đúng

**79. Những tai biến và hậu quả của nạo phá thai là:**

- A. Choáng, chảy máu, nhiễm khuẩn.
- B. Dính buồng tử cung, viêm tiểu khung.
- C. Vô sinh, dễ bị chửa ngoài tử cung.
- D. @Tất cả các câu trên đều đúng.

**80. BPTT theo ngày kinh:**

- A. Đơn giản
- B. Rẻ tiền

- C. Tỷ lệ thất bại cao
- D. @Các câu trên đều đúng

**81. Xuất tinh ngoài âm đạo:**

- A. Đảm bảo tránh thai 100%
- B. Chắc chắn tránh được bệnh LTQĐTD.
- C. @Vẫn có thể có thai ngoài ý muốn
- D. Chi phí cao

**82. Sau khi thất ống dẫn tinh, khi sinh hoạt tình dục phải:**

- A. @Sử dụng bao cao su 20 lần.
- B. Chỉ cần sử dụng bao cao su 10 lần là đủ
- C. Không cần sử dụng bao cao su vì ống dẫn tinh đã bị thất.
- D. Chỉ cần xuất tinh ngoài âm đạo là đủ

**83. Mục tiêu của tư vấn kế hoạch hóa gia đình nhằm:**

- A. Lắng nghe những thắc mắc, những khó khăn của khách trong lãnh vực kế hoạch hóa gia đình.
- B. Cung cấp cho khách những thông tin cần thiết về các biện pháp tránh thai.
- C. Giúp khách có những quyết định về sinh sản một cách tự nguyện và cân nhắc.
- D. @Tất cả các câu trên đều đúng.

**84. Điểm khác biệt chủ yếu giữa thông tin và truyền thông là:**

- A. Thông tin có thể chỉ diễn ra một lần, truyền thông là một quá trình liên tục.
- B. Thông tin không đòi hỏi tính liên hệ hai chiều, truyền thông lại đòi hỏi tính chất này.
- C. Thông tin chỉ hạn chế trong thông tin và kiến thức, truyền thông mở ra cả thái độ, tình cảm và kỹ năng.
- D. @Tất cả các câu trên đều đúng.

**85. Mô hình truyền thông đầy đủ bao gồm bao nhiêu phần tử?**

- A. 3 phần tử.
- B. 4 phần tử.
- C. 5 phần tử.
- D. @6 phần tử.

**86. Trong các phần tử của mô hình truyền thông, phần tử nào có vị trí đặc biệt quan trọng?**

- A. Nguồn truyền thông.
- B. @Đối tượng truyền thông.
- C. Thông điệp truyền thông.
- D. Sự phản hồi.

**87. Điểm yếu của loại hình truyền thông đại chúng là:**

- A. Khó chọn lựa được thông điệp truyền thông thích hợp.
- B. Ít có tác dụng trong lãnh vực dân số – kế hoạch hóa gia đình.
- C. @Không biết được đối tượng tiếp nhận thông điệp như thế nào.
- D. Không thuận lợi cho việc chuyển đổi thái độ và hành vi.

**88. Ưu điểm của loại hình truyền thông trực tiếp so với truyền thông đại chúng trong lãnh vực dân số – kế hoạch hóa gia đình là:**

- A. Dễ tạo được dư luận xã hội.
- B. Có thể điều chỉnh nội dung thông điệp trong quá trình truyền thông.
- C. Có thể thay đổi cách thức truyền đạt cho phù hợp với đối tượng hơn.
- D. @Chỉ có B và C đúng.

**89. Mục đích cuối cùng của công tác truyền thông nhằm:**

- A. Cung cấp thông tin cần thiết.
- B. Nhận được sự phản hồi của đối tượng truyền thông.
- C. @Chuyển đổi được nhận thức và hành vi của đối tượng.
- D. Thay đổi được suy nghĩ của đối tượng.

**90. Sáu bước trong tư vấn gồm:**

- A. Chào hỏi
- B. Hỏi
- C. Nói.
- D. Giúp
- E. .... (Giải thích)
- F. Theo dõi

## **II. Câu hỏi mức độ hiểu**

**91. Bệnh nào sau đây có chống chỉ định dùng thuốc viên tránh thai loại phối hợp:**

- A. Lao phổi
- B. Ung thư đại tràng
- C. @U tiết prolactine
- D. U nang buồng trứng cơ năng

**92. Triệt sản nữ:**

- A. Là biện pháp tránh thai áp dụng cho những trường hợp chống chỉ định dùng thuốc tránh thai
- B. Tất cả mọi phụ nữ đều có thể áp dụng biện pháp này
- C. Biện pháp này rất có hiệu quả đối với những người mắc bệnh suy tim
- D. @Tất cả những câu trên đều sai